

# VẤN ĐỀ SUY THOÁI, PHÁT TRIỂN DƯỚI GÓC ĐỘ CÁC QUY LUẬT KINH TẾ

NGUYỄN LANG\*

**T**hoát khỏi suy thoái để phát triển đang là vấn đề thời sự nóng hổi được dư luận xã hội, các nhà quản lý và các nhà khoa học quan tâm đến, không chỉ ở Việt Nam mà còn ở phạm vi toàn thế giới. Nói chung, nhìn nhận, đánh giá tình hình suy thoái, phát triển căn cứ vào chỉ tiêu GDP và cách làm này đã diễn ra từ hàng chục năm nay. GDP là một chỉ tiêu thể hiện hiện trạng của nền kinh tế nhưng nền kinh tế phát triển như thế nào lại phụ thuộc vào các quy luật kinh tế. Do đó, để nhận thức đầy đủ hơn về vấn đề suy thoái, phát triển kinh tế, tức nhận thức đầy đủ hơn về thực trạng nền kinh tế, cần phải xem xét chủ đề này dưới góc độ của các quy luật kinh tế và sự vận dụng các quy luật đó.

## I. Một số vấn đề chung

1. Khi nói là nền kinh tế đang phát triển thì bao hàm là nền kinh tế đang ở trạng thái *tái sản xuất mở rộng*. Ngược lại khi nói là nền kinh tế đang bị

suy thoái thì cũng có nghĩa là nền kinh tế đang ở trạng thái *tái sản xuất thu hẹp*. Còn nếu ở trạng thái trung gian, không phát triển nhưng cũng không suy thoái thì cũng có nghĩa là nền kinh tế đang ở trạng thái *tái sản xuất giản đơn*.

2. Có thể khẳng định là xu thế chung của xã hội đối với nền kinh tế là *đòi hỏi phải thực hiện tái sản xuất mở rộng* để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng vì lý do chủ yếu là: Do tăng dân số dẫn đến tăng nhu cầu tiêu dùng; Do nhu cầu nâng cao mức sống vật chất và tinh thần của người dân.

3. Nền kinh tế sản xuất ra một khối lượng mặt hàng vô cùng to lớn. Thế nhưng có thể quy các mặt hàng đó thành hai nhóm có vai trò, tác dụng khác nhau là:

- Nhóm các *sản phẩm trung gian*, chủ yếu là các tư liệu sản xuất, được tiếp tục đưa vào quá trình sản xuất xã hội để sản xuất ra những sản phẩm cuối cùng.

- Nhóm các *sản phẩm cuối cùng*, gồm các tư liệu tiêu dùng phục vụ sinh hoạt của người dân,

đáp ứng nhu cầu ăn, mặc, ở, học tập, vui chơi giải trí, đi lại, ...

Do đó, khi xem xét nền kinh tế đang ở giai đoạn nào thì phải dựa vào sự đánh giá tình hình sản xuất và tiêu dùng đối với những tư liệu sinh hoạt.

4. Nền kinh tế phát triển theo các quy luật khách quan, trước mắt phụ thuộc vào:

- Quy luật phát triển cân đối cung - cầu đối với nền kinh tế nói chung qua các cuộc khủng hoảng chu kỳ, đối với sản phẩm cuối cùng liên quan đến các quả bong bóng trên một số thị trường (như quả bong bóng trên thị trường Bất động sản ...). Mất cân đối là một trong những nguyên nhân làm cho sự phát triển không ổn định.

- Quy luật giá trị, theo đó, giá cả biến động theo xu hướng tăng lên cao hơn giá trị khi cung - cầu (và ngược lại). Sự tăng giá không chỉ dẫn đến lạm phát mà còn dẫn đến tình hình làm suy yếu cầu có khả năng thanh toán của người tiêu dùng để dẫn đến sự mất cân đối trong quan hệ cung - cầu hàng tiêu dùng theo hướng cung - cầu vì không tiêu thụ được.

\* GS, TSKH, Phó Chủ nhiệm Hội đồng Kinh tế, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam



- Quy luật lợi nhuận bình quân, theo đó, hình thành sự điều tiết tỷ suất lợi nhuận của các ngành hàng về với tỷ suất lợi nhuận bình quân. Qua đó, khắc phục tình trạng đổ xô đầu tư vào những ngành hàng có tỷ suất lợi nhuận cao (lợi nhuận siêu ngạch) dẫn đến tình trạng nền kinh tế quốc dân phát triển không cân đối, đến các cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội làm cho nền kinh tế phát triển không ổn định, không bền vững...

5. Các quy luật này phát huy tác dụng theo hai hướng chủ yếu:

- Theo bàn tay vô hình của thị trường dẫn đến chỉ có thể tự động điều tiết các mối quan hệ đó sau một thời gian bùng phát, dẫn đến các cuộc khủng hoảng chu kỳ như đã đề cập ở trên.

- Có sự vận dụng các quy luật kinh tế của con người để can thiệp, điều tiết quá trình phát triển kinh tế nhằm đảm bảo lợi ích chung của xã hội. Trong lĩnh vực này cũng cần chú ý: 1/Nội dung can thiệp chỉ tập trung vào nhiệm vụ bảo đảm một số cân đối lớn của nền kinh tế. Do đó, hình thành mối quan hệ kết hợp vai trò của bàn tay vô hình của thị trường với sự can thiệp, điều tiết một cách chủ động của con người. Mức độ quan hệ giữa hai cách này phụ thuộc vào điều kiện lịch sử - xã hội cụ thể của từng giai đoạn phát triển kinh tế. 2/Cần nhận rõ một tình huống đã xảy

ra một cách phổ biến là có một nhóm người đã tìm cách vận dụng các quy luật khách quan đó vì lợi ích của bản thân chứ không vì lợi ích chung của xã hội. Điều này được thể hiện qua các hoạt động đầu cơ, tích trữ, buôn lậu,... gắn với việc hình thành một thị trường ngầm, một xã hội đen như cách quen gọi...

**II. Phân tích cách giải quan hệ cung cầu sản phẩm cuối cùng trong một số tình huống** (được giới hạn vào hai tình huống chủ yếu sau đây):

1. Thực hiện cân đối cung - cầu trong tình huống cung - cầu: Có thể lấy tình huống đã xảy ra trong chiến tranh thế giới II; nói chung, các nước tham chiến đều ở trong tình trạng cung - cầu đối với hàng tiêu dùng, nên để đảm bảo sự ổn định xã hội nhằm góp phần dành chiến thắng, chính phủ các nước phải can thiệp vào quá trình phân phối lưu thông hàng hóa. Đó là việc vận dụng cơ chế vận hành nền kinh tế thị trường trong thời chiến và thường được gọi là *cơ chế kế hoạch hóa tập trung*. Đối với tư liệu tiêu dùng, sự can thiệp này tập trung vào một số nhu yếu phẩm chủ yếu, thông qua việc sử dụng cơ chế tem phiếu phân phối hàng hóa. Mặt khác, để cho giá cả không tăng vượt giá trị trong điều kiện cung - cầu, chính phủ các nước tham chiến phải có *cơ chế bao cấp* thích hợp để hàng hóa phân phối theo tem

phiếu giữ một giá ổn định để đảm bảo mức sống tối thiểu của người lao động.

Cần lưu ý khía cạnh thực hiện *chế độ tem phiếu lương thực (SNAP)* để được mua với giá ổn định, và thấp là một cơ chế kích thích cầu có khả năng thanh toán để vừa ổn định tình hình xã hội, vừa tạo điều kiện cho sự phát triển của nền kinh tế. Về phương diện này, cần lưu ý trường hợp của Mỹ. Chế độ tem phiếu ở Mỹ ra đời từ cuộc đại suy thoái của thập niên 30 (thế kỷ XX) và được duy trì đến nay. Chế độ đó áp dụng cho các hộ gia đình có 3 người, có thu nhập hàng tháng dưới chuẩn nghèo là 18.500USD/ năm. Nguồn kinh phí này lấy từ ngân sách của Chính phủ Mỹ. Kể từ khi có cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái thế giới (2008), mức nợ công của Chính phủ Mỹ tăng lên, dẫn đến việc đòi hỏi phải cắt giảm chi tiêu (trong đó có chi tiêu hỗ trợ người nghèo) để giảm thâm hụt ngân sách. Điều đó dẫn đến tranh cãi gay gắt giữa hai Đảng Cộng hòa và Đảng Dân chủ. Cuối cùng hai đảng đã thỏa hiệp bằng cách cắt giảm 1% trợ cấp cho chương trình SNAP, tương đương 8 tỷ USD/năm. Theo đó, những gia đình có 4 người, có mức thu nhập dưới 2.552USD/ tháng hoặc gia đình có 1 con nhỏ,



một người cao tuổi hoặc một người khuyết tật chỉ nhận được tem phiếu lương thực ở mức tối đa là 632USD/tháng (so với mức 668USD/tháng trước ngày 1-11-2013).

2. Thực hiện cân đối cung - cầu trong tình huống cung - cầu: Đây là tình huống xảy ra sau khi phục hồi nền kinh tế bị tàn phá trong chiến tranh thế giới II. Sự phục hồi này dựa trên cơ sở ứng dụng những thành tựu khoa học công nghệ mới đã được phát hiện và ứng dụng trong thời chiến nên đã đảo ngược quan hệ cung - cầu từ liệu tiêu dùng từ cung - cầu sang cung - cầu. Trong trường hợp này, các nước đã có một số giải pháp chủ yếu để bảo đảm mối quan hệ cân đối cung - cầu. Chủ yếu là các giải pháp sau:

- Thay đổi cơ chế vận hành nền kinh tế thị trường, từ vận hành nền kinh tế thị trường thời chiến sang vận hành nền kinh tế thị trường thời bình. Sự chuyển đổi cơ chế vận hành nền kinh tế thị trường được triển khai gắn với sự hình thành học thuyết tự do mới về kinh tế. Theo học thuyết này, chính phủ phải thu hẹp sự can thiệp vào quá trình phân phối, lưu thông hàng hóa để tăng cường chủ động, tự chịu trách nhiệm của các nhà đầu tư. Học thuyết này được vận dụng ngay vào việc hình thành môn học marketing

dạy các doanh nhân cách bán hàng. Sau này, trước cuộc khủng hoảng dầu lửa (bắt nguồn từ việc các nước OPEC thực hiện việc quốc hữu hóa các công ty dầu lửa do nước ngoài nắm giữ là chủ yếu), FDE và Regan, Thatcher đưa ra mô hình kinh tế thị trường "tự do kiểu mới" với một nội dung là hạ thấp tối đa (nếu không muốn nói là loại bỏ) vai trò của nhà nước đối với sự vận hành nền kinh tế thị trường. Một hướng chủ yếu của sự loại bỏ này được thực hiện qua việc triển khai chính sách cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước theo mô hình chủ nghĩa tư bản nhân dân ở Mỹ, được hình thành sau chiến tranh thế giới II. Mô hình này là một nguyên nhân dẫn đến việc các doanh nghiệp, trong đó có hệ thống ngân hàng thương mại, phát huy cao độ tính chủ động, tự chịu trách nhiệm trong thực thi chính sách tín dụng, một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến cuộc khủng hoảng tài chính thế giới năm 2008.

- Mở rộng thị trường ra khỏi phạm vi từng nước để dẫn đến sự phát triển quá trình hội nhập kinh tế quốc tế để khắc phục tình hình thị trường nội địa quá eo hẹp so với lượng cung của hàng hóa được sản xuất ra. Theo đó, các nước tham gia quá trình hội nhập kinh tế quốc tế phải

xóa bỏ hàng rào bảo hộ sản xuất để hàng hóa được tự do lưu thông trên một thị trường rộng lớn hơn. Quá trình này dẫn đến tăng sự cạnh tranh và điều chỉnh đối tượng cạnh tranh, từ cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong nước chuyển thành cạnh tranh giữa các nước tham gia hội nhập kinh tế. Trong trường hợp này, các nước có trình độ phát triển kinh tế thấp hơn, sức cạnh tranh thấp hơn, đứng trước nguy cơ là cá bé bị cá lớn nuốt. Từ đó, hình thành cơ chế dành cho các nước có trình độ phát triển kinh tế thấp hơn một thời gian ân huệ trước khi xóa bỏ hàng rào bảo hộ sản xuất của nước mình để điều chỉnh nền kinh tế, tăng sức cạnh tranh để có thể cạnh tranh bình đẳng với các nước có nền kinh tế phát triển hơn, không còn đứng trước tình trạng cá bé bị cá lớn nuốt. Từ đó có thể phải hiểu nội dung khác phục nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước khác là phải vươn lên thu hẹp khoảng cách về sức cạnh tranh để có thể vươn lên cạnh tranh bình đẳng là chủ yếu chứ không phải là thu hẹp khoảng cách về GDP. Phải chăng, cách cân đối cung - cầu theo xu hướng này là một biểu hiện cụ thể của cuộc chiến tranh không có tiếng súng để các cường quốc thực hiện chính sách bá quyền, bành trướng trên mặt trận kinh tế?



- Tăng cầu có khả năng thanh toán bằng *phát triển, mở rộng hình thức tín dụng tiêu dùng* nhằm cho người dân vay, có thể chấp, để mua hàng tiêu dùng. Kích cầu theo hướng này đã phát huy tác dụng kích thích sự phát triển của nền kinh tế, tạo ra sự phồn vinh giả tạo, kéo dài hàng chục năm. Lúc ban đầu, chính sách này phát huy tác dụng rõ vì con nợ - người tiêu dùng vẫn có khả năng thanh toán. Do đó, các ngân hàng thương mại đã tiếp tục mở rộng hình thức này, từ chỗ để mua những mặt hàng đắt tiền (nhà, xe hơi,...) sang mua cả những mặt hàng tiêu dùng giá thấp (tivi, tủ lạnh,...). Thế nhưng, khả năng thanh toán của các con nợ này ngày càng giảm vì mấy lý do chủ yếu: 1/ Chỉ số giá cả tăng nên thu nhập danh nghĩa của người dân giảm đi một cách tương ứng. Nói cách khác, thu nhập danh nghĩa ngày càng thấp hơn so với thu nhập thực tế cần có để duy trì và đảm bảo mức sống. Thực trạng này là một trong những nguyên nhân dẫn đến tăng tình hình nợ xấu, khó đòi. 2/ Tuy có cơ chế điều chỉnh mức lương tương ứng với việc tăng chỉ số giá cả nhưng trong thực tế, việc điều chỉnh này chậm hàng năm và mức điều chỉnh thấp hơn mức tăng của chỉ số giá cả. Đây là một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình hình đình

công đòi tăng lương cải thiện điều kiện lao động có xu hướng phát triển. Một biểu hiện đáng lưu ý là ngay giới phi công (người có mức lương tương đối cao) cũng tham gia đình công mà trường hợp mới xảy ra gần đây là cuộc đình công của hãng AIR FRANCE. 3/ Tình hình các nhà đầu cơ lũng loạn thị trường làm tăng chỉ số giá cả. Việc đầu cơ tăng giá dầu vào năm 2008 là giọt nước tràn ly, dẫn đến việc các con nợ - người tiêu dùng, từ chỗ là con nợ xấu khó đòi, phát triển thành con nợ không còn khả năng thanh toán, dẫn đến cuộc khủng hoảng tài chính thế giới. 4/ Cũng cần lưu ý đúng mức hơn đến tình trạng không chỉ kích thích tiêu dùng của người dân mà còn kích thích tiêu dùng của chính phủ dẫn đến việc chính phủ cũng trở thành con nợ của các ngân hàng thương mại, đến cuộc khủng hoảng nợ công như đã xảy ra tại một số nước trong khu vực đồng tiền EURO.

3. Từ sự phân tích trình bày ở trên, có thể sơ bộ rút một số nhận xét chủ yếu sau đây:

- Để kinh tế phát triển, cần đặc biệt coi trọng việc đảm bảo mối quan hệ cân đối cung - cầu đối với sản phẩm cuối cùng của nền kinh tế, đặc biệt là sản phẩm phục vụ nhu cầu tiêu dùng của người dân để tái sản xuất mở rộng đời sống xã hội.

- Để cân đối cung - cầu đối với tư liệu tiêu dùng của người dân nhằm phát triển kinh tế, cần đảm bảo mối quan hệ cầu - cung thì mới có thể kích thích sản xuất theo hướng tái sản xuất mở rộng. Nói cách khác, đó là giải pháp *kích cầu của người dân chứ không phải kích cầu của các nhà đầu tư*.

- Chế độ xã hội tư bản chủ nghĩa cũng đã có những giải pháp kích thích nhu cầu tiêu dùng của người dân, trong đó đặc biệt lưu ý là giải pháp phát triển tín dụng tiêu dùng.

- Giải pháp phát triển tín dụng tiêu dùng đã bị phá sản, vì giai cấp tư sản không thực hiện được việc tăng cầu có khả năng thanh toán của người dân nên dẫn đến tăng khoảng cách giữa thu nhập danh nghĩa với thu nhập thực tế của người dân, tăng khoảng cách giàu nghèo, lạm phát nên biến các khoản tín dụng tiêu dùng thành nợ xấu và con nợ - người dân lâm vào cảnh không còn khả năng thanh toán nợ, dẫn đến vỡ nợ tín dụng, khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế thế giới như đã xảy ra vừa qua. Nói cách khác, kích cầu tiêu dùng của người dân nhưng các nhà tư bản vẫn tiếp tục bóc lột người lao động bằng những hình thức tinh vi và đa dạng hơn (*trong đó có vấn đề tiền lương và vấn đề đầu cơ lũng loạn thị trường để tăng lạm phát*) nên dẫn đến



tình trạng con nợ tín dụng tiêu dùng trở thành con nợ không có khả năng thanh toán.

- Giải pháp phát triển tín dụng tiêu dùng còn được thực hiện để kích cầu của các chính phủ, dẫn đến phát triển nợ công và cuộc khủng hoảng nợ công như đã vừa mới xảy ra tại một số nước của khu vực đồng tiền Euro.

### III. Liên hệ với Việt Nam

1. Quan hệ cân đối cung - cầu trên thị trường bất động sản Việt Nam: Thực trạng trên lĩnh vực này được nhiều người biết đến và là một trong những dẫn chứng cụ thể nói lên tầm quan trọng của việc đảm bảo mối quan hệ cân đối cung - cầu để phát triển kinh tế. Từ 1954 đến khoảng giữa thập niên 80 của thế kỷ XX, vấn đề nhà ở được giải quyết thông qua việc các doanh nghiệp, cơ quan và chính quyền đầu tư xây dựng các nhà tập thể để cho công nhân viên chức thuê. Trong thời gian này, cầu về nhà ở ngày càng tăng cao dẫn đến tình trạng cung - cầu, kéo theo tình hình giá cả nhà đất tăng cao, được thể hiện qua việc một số người được thuê nhà của Nhà nước đã nhượng lại quyền thuê nhà (cùng với hợp đồng thuê nhà) cho người khác với giá cao. Đến giai đoạn thực hiện đường lối đổi mới, thị trường bất động sản bắt đầu phát triển với sự tham gia của các nhà đầu tư thuộc các thành phần kinh tế

khác nhau. Do quan hệ cung - cầu nên trong giai đoạn đầu, đây là một thị trường có tỷ suất lợi nhuận cao nên bên cạnh thị trường sơ cấp, còn hình thành thị trường thứ cấp nên càng đẩy giá cả nhà đất tăng vọt một cách không bình thường. Hậu quả là tuy thị trường này có tốc độ phát triển cao nhưng dẫn đến tình trạng cung - cầu có khả năng thanh toán của người tiêu dùng, dẫn đến tình hình bong bóng trên thị trường này nổ vỡ, kinh tế bị suy thoái. Hậu quả của tình trạng không đảm bảo mối quan hệ cân đối cung - cầu, nhất là quan hệ cân đối cung - cầu có khả năng thanh toán của người tiêu dùng, là một thực tế được nhiều người nắm bắt và hiểu rõ.

Ngoài ra cũng cần đề cập thêm đến tình hình thị trường tiền tệ. Trên thị trường có nhiều vấn đề bức xúc: tình hình *phát triển thị trường tín dụng đen, cho vay nặng lãi*. Trên các phương tiện thông tin có đề cập đến tình hình này, nhưng nặng ở giác độ gây thiệt hại cho người có tiền gửi cho các "đại gia" đầu nậu trên thị trường này. Tuy nhiên, các phương tiện thông tin đại chúng chưa đề cập đến tình hình người phải đi vay nặng lãi trên thị trường này đã gặp khó khăn như thế nào và đây là một trong những nguyên nhân chủ yếu làm giảm sức mua của người dân, giảm

cầu có khả năng thanh toán. Điều quan trọng hơn là *ngân hàng nhà nước, với chức năng quản lý thị trường tiền tệ, nhưng do hạn chế trong kiểm soát, điều hành, để cho thị trường tín dụng đen phát triển, vô hình chung đã vô hiệu hóa thành quả mà cách mạng đã đem lại cho người nghèo (chính quyền cách mạng ban hành chính sách giảm tức ngay từ sau cách mạng tháng 8-1945)*.

2. Vấn đề nợ nói chung, nợ xấu nói riêng: Để thực hiện tái sản xuất mở rộng, các nhà đầu tư không thể chỉ dựa vào mức lãi tích tụ nên phải tìm cách bổ sung vốn cần có bằng nhiều biện pháp khác nhau. Trong các biện pháp đó, có *biện pháp phát triển tín dụng ngân hàng để cung cấp vốn tín dụng cho các nhà đầu tư, bao gồm cả các nhà đầu tư từ vốn ngân sách*. Biện pháp này chỉ thực sự phát huy hiệu quả cần có nếu bảo đảm điều kiện nhà đầu tư sử dụng vốn đó một cách có hiệu quả, biểu hiện tập trung thành mối quan hệ *%m kinh doanh - %m vay ngân hàng*. Đó là, một trong những nguyên nhân chính dẫn đến Hội nghị Trung ương 4 (khóa VIII) đã phải xác định nhiệm vụ, "... nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế..."<sup>1</sup>. Thế nhưng, vì nhiều nguyên nhân khác nhau, hiệu quả đầu tư này càng giảm sút và cơ quan quản



lý cũng nắm chắc thực trạng này, thể hiện qua việc Hội nghị lần thứ 9 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX) cũng đã có nắm số liệu này<sup>2</sup> và ngay trong báo cáo của Chính phủ trình Quốc hội cũng đề cập tới thực trạng này (*Nhân dân, ngày 26-10-2004*). Thế nhưng các Đại hội sau vẫn tiếp tục ghi nhận tình trạng hiệu quả và sức cạnh tranh thấp<sup>3</sup>. Hiệu quả sử dụng vốn thấp là một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến *việc hình thành và phát triển nợ xấu*, một thực trạng đã được các phương tiện thông tin đại chúng đề cập khá nhiều. Từ thực trạng đó, so sánh với tình hình nợ xấu đã hình thành trên thế giới như đã trình bày ở trên, có thể nêu một số kết luận chủ yếu sau:

- Nợ xấu là một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến không chỉ khủng hoảng tài chính mà còn đến cả suy thoái của nền kinh tế.

- Nợ xấu dẫn đến khủng hoảng tài chính và suy thoái nền kinh tế thế giới, *bắt nguồn từ nợ xấu trong tín dụng tiêu dùng, với con nợ là người tiêu dùng*. Còn đối với Việt Nam thì, *nợ xấu bắt nguồn từ tín dụng ngân hàng, với con nợ xấu là các nhà đầu tư*. Tuy nhiên, cũng cần rút kinh nghiệm một cách thỏa đáng từ tình hình khủng hoảng nợ công của một số nước trong khu vực đồng tiền Euro.

- Thị trường tín dụng tiêu dùng chưa phát triển tại Việt Nam: Nhu cầu có khả năng thanh toán của người tiêu dùng Việt Nam còn thấp. Điều này thể hiện trong tình hình phân phối thu nhập tại các doanh nghiệp, tình hình nông dân bị bóc lột qua hệ thống giá cánh kéo, tình hình gia tăng khoảng cách giàu nghèo - một biểu hiện cụ thể qua việc điều chỉnh mức lương theo chỉ số giá cả vẫn không đảm bảo tăng cầu có khả năng thanh toán của người lao động, nên Chủ tịch Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam đã công bố là kết quả khảo sát cho thấy mức lương tối thiểu, hiện nay chỉ bằng khoảng từ 67% đến gần 70% mức sống tối thiểu của người công nhân tại 4 vùng lương. Trong khi đó, giới chủ không đồng ý với mức tăng lương tối thiểu, vì làm tăng chi phí sản xuất. Còn đối với công nhân viên chức thuộc khu vực nhà nước thì Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính đều báo cáo là cân đối ngân sách không đảm bảo nhu cầu tăng lương tối thiểu tại khu vực này. Điều đáng chú ý là hai Bộ này không đề cập đến nhiệm vụ tăng hiệu quả của chi ngân sách, nên vẫn chưa có thái độ rút khoát đối với việc một số dự án đường sắt kiến nghị đội vốn dự kiến lên khoảng 100%.

3. Một số kết luận ban đầu xuất phát từ thực trạng:

- Hiện chưa thể hiện rõ khả năng bảo đảm mối quan hệ cân đối cung - cầu có khả năng thanh toán của người tiêu dùng.

- Việc tăng lương để đảm bảo sự tương ứng giữa mức lương tối thiểu với mức sống tối thiểu vẫn gặp khó khăn cả từ phía các chủ doanh nghiệp và từ phía cân đối ngân sách nên chưa thể hiện được khả năng nâng mức cầu có khả năng thanh toán của người tiêu dùng để tạo điều kiện phát triển sản xuất.

- Tuy chưa phát triển thị trường tín dụng tiêu dùng, nhưng tình hình nợ xấu uy hiếp khả năng phát triển kinh tế đã xuất hiện và phát triển trên thị trường tín dụng ngân hàng.

- Hiệu quả kinh doanh tiếp tục giảm sút, nên chưa thấy khả năng giảm nợ xấu từ tín dụng ngân hàng. Mặt khác, đã xuất hiện tình hình phải đi vay để đảo nợ chứ không phải đi vay để phát triển sản xuất.

∴

Do đó, phải chăng nền kinh tế nước ta chưa có khả năng thoát khỏi đáy suy thoái để phát triển? □

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Văn kiện Hội nghị lần thứ 4 (khóa VIII), tr.54.
2. Văn kiện Hội nghị Trung ương 9 (khóa IX), tr.26.
3. Văn kiện Đại hội IX, tr.73; Văn kiện Đại hội X, tr.61; Văn kiện Đại hội XI, tr.165.